





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
CANTHO URBAN JOINT STOCK COMPANY



 (0292) 3821 150

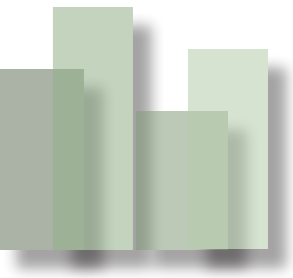
 Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

MỤC LỤC



- THÔNG TIN CHUNG (1)
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (17)
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (29)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (37)
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (45)
- BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (49)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH (53)





CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN PHÁT TRIỂN

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
- Tên tiếng anh: CAN THO URBAN JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CPĐT
- Giấy CNĐKDN số: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 18002711113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 26/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/07/2015.
- Vốn điều lệ: 54.249.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 54.249.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Số điện thoại: (0292) 3821 150
- Số fax: (0292) 3811 583
- Website: congtrinhdothicantho.vn
- Email: cpdothicantho@gmail.com
- Mã cổ phiếu: UCT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ là một trong những công ty có bề dày kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực môi trường tại thành phố Cần Thơ. Với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp được thành lập theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ. Sau nhiều năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần và chính thức hoạt động vào ngày 03/07/2015. Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty đã đạt những thành công nhất định trong lĩnh vực hoạt động của mình. Bằng chứng là có lợi thế hơn hẳn khi xét về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô với các Công ty cùng lĩnh vực hoạt động. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của UCT như sau



1994

UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) chuyển đổi mô hình Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 300/QĐ.UBT. 94 ngày 05/02/1994 với vốn kinh doanh là: 682.000.000 đồng.

1990

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được thành lập với tiền thân là một đơn vị hành chính sự nghiệp theo Quyết định số 65.QĐ.TC.TP90 ngày 29/11/1990 của UBND thành phố Cần Thơ (cũ), trên cơ sở sáp nhập Công ty vệ sinh và mai táng, Công ty chiếu sáng công cộng, Bộ phận duy tu bảo dưỡng cầu đường và Đội công viên cây xanh.

2001

UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 2581/QĐ-CT-UB về chuyển giao Công ty về Sở Xây dựng tỉnh Cần Thơ quản lý đồng thời hình thành Đội Công trình đô thị tại các huyện trực thuộc Công ty.

2004

Công ty được UBND thành phố Cần Thơ thay đổi vốn điều lệ theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB, vốn điều lệ được phê quyết là 12.662.684.969 đồng. Ngoài ra, Công ty được chuyển giao từ Sở Xây dựng TP. Cần Thơ về Sở Giao thông – Công chính thành phố Cần Thơ và thành lập 5 xí nghiệp phụ thuộc gồm: Xí nghiệp môi trường đô thị, Xí nghiệp Công viên cây xanh, Xí nghiệp CSCC, Xí nghiệp Vận tải hành khách công cộng, Xí nghiệp sửa chữa ô tô và sản xuất xe chuyên dùng.

2007

Công ty Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 20.170.522.565 đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty nhà nước số 5706000011 đăng ký lần đầu ngày 19/04/2007, đăng ký thay đổi lần 8 và cấp lại lần 4 ngày 10/12/2007 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

2008

Công ty Công trình đô thị thành phố Cần Thơ được tái chuyển giao về Sở Xây Dựng thành phố Cần Thơ quản lý.

2010

Ngày 02/7/2010, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, Điều lệ và chuyển Công ty Công trình đô thị thành Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ được phê quyết là: 60.264.015.048 đồng.

2019

Thực hiện Quyết định số 1232/2017/QĐ-TT ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020; Công văn số 3901/UBND-KT ngày 11/10/2017 của UBND thành phố Cần Thơ, về lộ trình thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017 – 2020; Công văn số 896/UBND-KT ngày 25/3/2019 của UBND thành phố Cần Thơ về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ. Trong năm 2019 đã hoàn thành công tác thoái vốn nhà nước, tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư tại Công ty còn lại là 51% Vốn điều lệ.

2018

Sau 4 năm chuyển đổi mô hình, Công ty vẫn tiếp tục phấn đấu hoạt động và đạt được những thành quả nhất định bởi có nhiều lợi thế về bề dày kinh nghiệm cũng như quy mô so với các Công ty trong cùng lĩnh vực.

2016

Ngày 06/06/2016, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 3084/UBCK-GSĐC. Ngày 15/09/2016, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 5.344.345 cổ phiếu.

2015

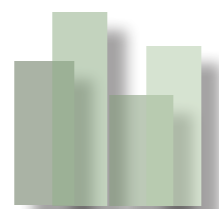
Ngày 03/07/2015, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp: 1800271113, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 03/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

2011

Ngày 10/02/2011, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 318/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế Điều lệ cũ) Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ.

2013

Ngày 10/02/2011, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 318/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (thay thế Điều lệ cũ) Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ.



NGÀNH NGHỀ &

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề

1	Trồng cây hàng năm khác	0119
2	Trồng cây ăn quả	0121
3	Trồng cây lâu năm khác	0129
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
5	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7	Tái chế phế liệu	3830
8	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
9	Xây dựng nhà các loại	4100
10	Xây dựng công trình công ích	4220
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12	Phá dỡ	4311
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
21	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26	Bốc xếp hàng hóa	5224
27	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
28	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
29	Cho thuê xe có động cơ	7710
30	Cung ứng lao động tạm thời	7820
31	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
32	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
33	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
35	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
36	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
37	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
38	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
40	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
41	Thu gom rác thải không độc hại	3811 (Chính)
42	Thu gom rác thải độc hại	3812
43	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
44	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730



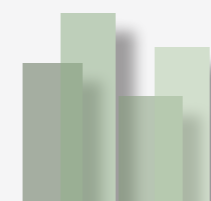
Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hiện đang hoạt động chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

Hoạt động thu gom xử lý rác thải

Hiện nay, thu gom vận chuyển các loại rác sinh hoạt, rác kinh doanh của thành phố Cần Thơ đều do Công ty thực hiện. Cùng với sự phát triển của các khu đô thị, sự phát triển các khu dân cư nên khối lượng rác thu gom, vận chuyển ngày càng nhiều. Vì vậy Công ty chú trọng đến việc nâng cấp trang bị các phương tiện vận tải máy móc, loại dần và thay thế các phương tiện, máy móc, thiết bị có thời gian sử dụng lâu và đầu tư mới vừa giúp nâng cao năng lực hoạt động vừa đảm bảo đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hoạt động xử lý rác thải Công ty đang thực hiện thông qua việc thuê các đơn vị khác thực hiện.

Chăm sóc và duy tu cảnh quan

Công ty thực hiện hoạt động trồng, chăm sóc, cắt tỉa, quản lý và bảo vệ cây xanh trên địa bàn thành phố Cần Thơ áp dụng đúng chủng loại, đúng quy trình kỹ thuật; chăm sóc công viên, vườn hoa, thảm cỏ tại dải phân cách, đài tưởng niệm, quảng trường; chăm sóc cây bóng mát, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, giải phân cách, đảo giao thông nhằm góp phần tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan đô thị, phù hợp với quy hoạch kiến trúc của thành phố.



Hoạt động chiếu sáng công cộng

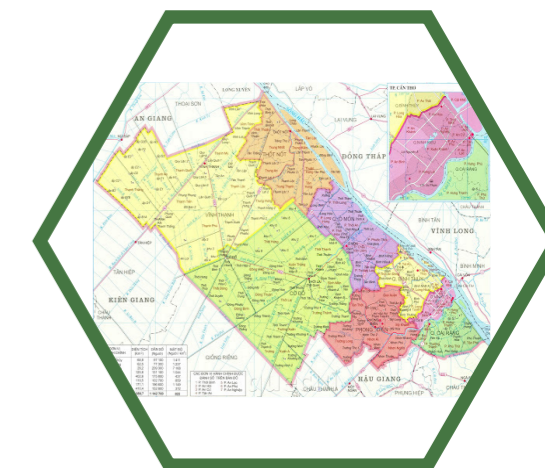
Ngoài hoạt động thu gom xử lý rác thải, Công ty còn thực hiện công tác quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Việc tổ chức chiếu sáng đô thị phải bảo đảm các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị.

Các loại hình chiếu sáng hiện nay Công ty đang đảm trách là chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông. Toàn bộ số lượng đèn chiếu sáng được hoạt động theo cơ chế tắt mở tự động. Thời gian bật - tắt hệ thống chiếu sáng sẽ được điều chỉnh tùy theo mùa trong năm cho phù hợp độ sáng của hệ thống đường giao thông.

Trong những năm qua nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm và bảo vệ môi trường, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp đạt hiệu quả. Các biện pháp này đã phát huy tác dụng giúp ngân sách nhà nước tiết giảm chi phí đáng kể.

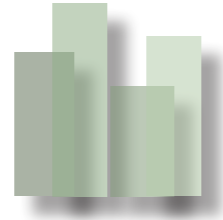
Địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động liên quan đến môi trường là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Với mục tiêu phát triển toàn diện, UCT đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các vùng lân cận.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC



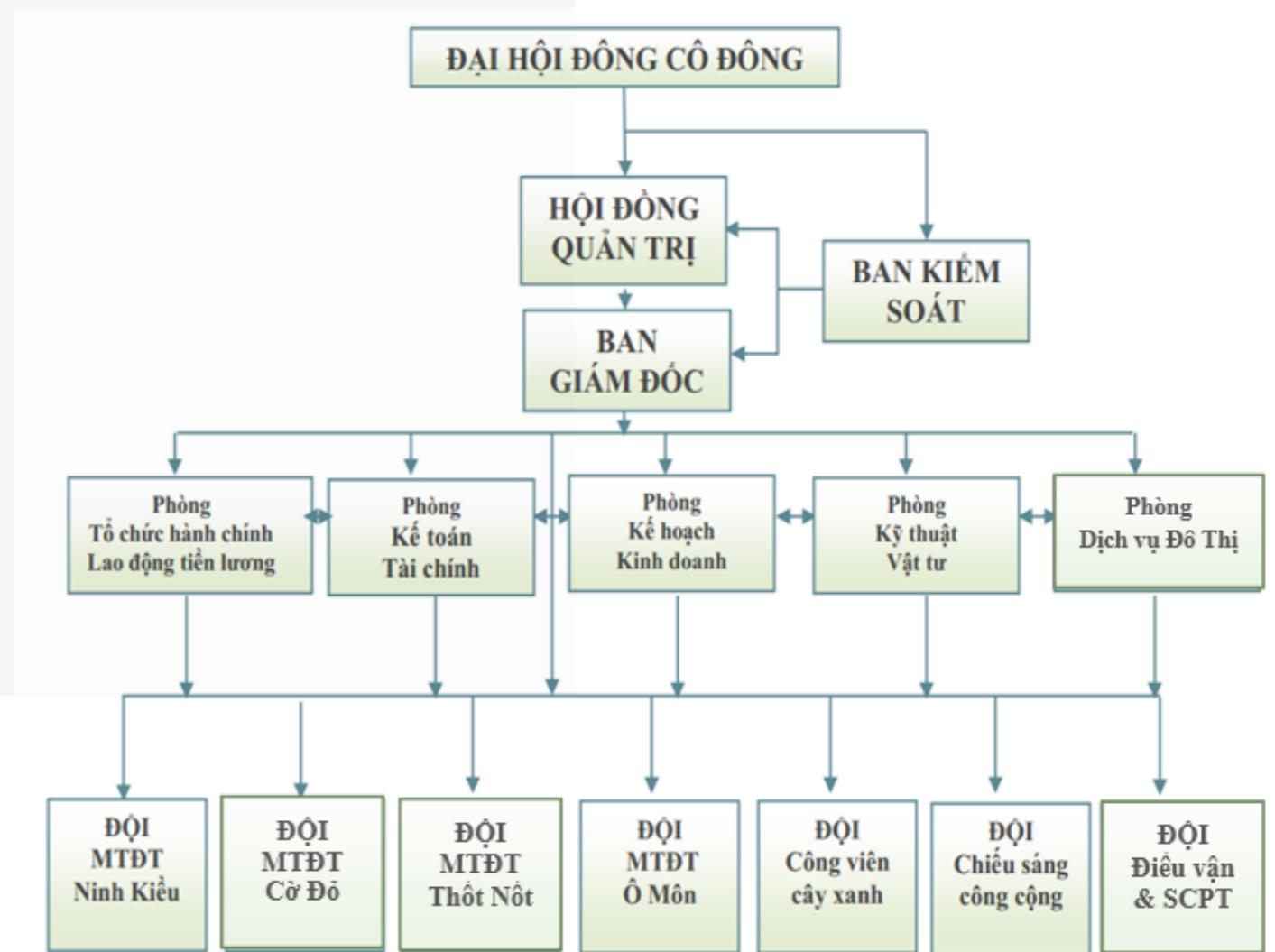
Mô hình quản trị

UCT được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (5 thành viên);
- Ban Kiểm soát (3 thành viên);
- Ban Giám đốc (3 thành viên);
- Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: 05 phòng nghiệp vụ và 07 Đội trực thuộc (04 Đội môi trường đô thị: Ninh Kiều, Ô Môn, Cờ Đỏ, Thốt Nốt; 01 Đội Công viên Cây xanh; 01 Đội Chiếu sáng công cộng; 01 Đội Điều vận và Sửa chữa phương tiện cơ giới).

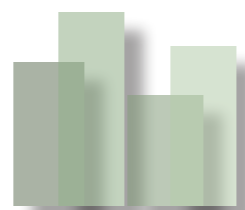


Cơ cấu bộ máy quản lý





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đẩy mạnh khả năng sử dụng nguồn vốn Nhà nước tại Công ty, đồng thời thúc đẩy đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh; giúp công ty có thêm lợi thế cạnh tranh trong môi trường hội nhập quốc tế; đảm bảo khả năng phát triển ổn định và bền vững, các chỉ tiêu tài chính luôn tăng qua các năm; góp phần nâng cao đời sống và mức thu nhập của người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông.



Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu tập trung vào ngành nghề chính, cốt lõi là hoạt động công ích của công ty: Vệ sinh đô thị; Chăm sóc duy tu, bảo dưỡng công viên – cây xanh; Chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông, các loại hình dịch vụ khác;...

Tầm nhìn

Hướng Công ty trở thành chủ lực của Thành phố trong lĩnh vực Vệ sinh môi trường, Công viên cây xanh và Chiếu sáng.



Sứ mạng

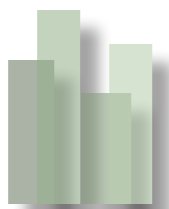
Làm giảm sự ô nhiễm môi trường, làm tăng vẻ mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường là mục tiêu trọng điểm của cộng đồng hiện nay. Trách nhiệm của Công ty là phải góp phần chung tay xây dựng Thành phố Cần Thơ “Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp” bảo vệ và giữ gìn sức khỏe người dân, đảm bảo lợi ích của cộng đồng và nền kinh tế đang phát triển của Thành phố.

Cam kết của công ty

Hơn 20 năm hoạt động lĩnh vực công ích là đơn vị Nhà nước trong nhiều năm qua, để đáp ứng sự tin tưởng của người dân đã tin dùng dịch vụ, Công ty cam kết phục vụ một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Bên cạnh việc đề ra những chiến lược và kế hoạch kinh doanh, Công ty còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc chung tay bảo vệ môi trường bằng các hoạt động thiết thực.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Chính Phủ Việt Nam luôn chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tạo dựng cảnh quan đô thị nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích, UCT vì thế cũng chịu tác động từ các yếu tố của nền kinh tế.

Nền kinh tế thế giới năm 2019 vẫn còn nhiều biến động do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung và tình hình căng thẳng chính trị vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi. Tuy nhiên tại Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục đạt tỷ lệ khả quan 7,02% trong năm vừa qua, kinh tế quốc gia vẫn duy trì sự ổn định khi mức tăng trưởng đạt được cao hơn cả mức tăng trung bình của giai đoạn từ 2011-2018 và đã khởi sắc trên cả ba khía cạnh sản xuất, cung và cầu. Kinh tế phát triển sẽ kéo theo sự tăng trưởng của các ngành nghề như: bất động sản, xây dựng, quy hoạch đô thị,... Trong xu hướng đó, cơ sở hạ tầng, cảnh quan đô thị được dự báo sẽ có nhiều thay đổi, phù hợp với sự phát triển của các địa phương, đặc biệt là các thành phố lớn trong đó có Cần Thơ. Đây là một cơ hội để UCT đẩy mạnh hoạt động.

Tuân thủ pháp luật là yếu tố bắt buộc và xuyên suốt của Công ty cổ phần Công trình đô thị Cần Thơ. Các hoạt động của doanh nghiệp luôn chịu ảnh hưởng từ hệ thống Luật và các văn bản liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường,... Cùng với tình hình Chính phủ đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống Pháp luật nên việc sửa đổi, cải cách luật là điều tất yếu. Doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật, thay đổi kịp thời các chính sách hoạt động dựa trên cơ sở thay đổi bổ sung của văn bản luật hiện hành. Điều này đòi hỏi bộ phận Quản trị doanh nghiệp phải linh động và nhạy bén với môi trường pháp lý, đảm bảo Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định của Nhà nước, giữ vững uy tín doanh nghiệp, tránh các vấn đề liên quan đến pháp luật.

Rủi ro pháp luật



Hoạt động của UCT gắn liền với dịch vụ vệ sinh đường phố, chăm sóc và duy tu cảnh quan. Với bề dày kinh nghiệm hoạt động nhiều năm Công ty đã và đang giữ vững được vị thế của mình tại thành phố Cần Thơ. Đặc thù hoạt động của UCT là ngành dịch vụ công ích, đơn giá dịch vụ của Công ty phụ thuộc vào khung quy định của cơ quan Nhà nước. Trong khi đó, chi phí hoạt động doanh nghiệp lại rất dễ biến động do sự không ổn định của giá nhiên liệu như xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào từ đó làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Để có thể hạn chế các rủi ro, Ban lãnh đạo phải cố gắng đề ra các phương án dự phòng, các kịch bản chi tiết để ứng phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro môi trường

Đồng hành với sự phát triển của Thành phố, UCT phải chú trọng đến các vấn đề môi trường xuất hiện kèm theo sự phát triển đó. Cần Thơ đang thúc đẩy phát triển du lịch - thương mại trở thành ngành mũi nhọn của Thành phố. Nếu Thành phố tiến hành xây dựng và lượng khách du lịch tăng cao thì áp lực trong việc xử lý rác thải sẽ tăng cao, do hiện tại hình thức thu gom, phân loại, vận chuyển rác vẫn còn thủ công.

Doanh nghiệp phải tiếp tục phối hợp nhịp nhàng với chính quyền để tuyên truyền đến người dân cùng đồng hành hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác bảo vệ và giữ gìn môi trường: hạn chế tối đa các trường hợp vứt rác thải vào kênh rạch, cống thoát nước dẫn đến tình trạng ngập nước trong thành phố mùa mưa; tăng cao diện tích che phủ cây xanh,... chung tay vì tương lai môi trường xanh - sạch - đẹp.

Rủi ro khác

Rủi ro từ những biến động về dịch bệnh, thiên tai, chính trị, xã hội trên thế giới... đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Những rủi ro đó có thể rất hiếm khi xảy ra nhưng không thể xem nhẹ nó, tác động của nó có thể kéo dài nhiều tháng liền, theo hướng gián tiếp hoặc trực tiếp đều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Doanh nghiệp. Để giảm thiểu tối đa các nhân tố này tác động lớn đến Công ty, Ban lãnh đạo phải thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành công việc.



CHƯƠNG II

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Ban Điều hành CÔNG TY

STT	Thành viên Ban Giám đốc	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu
1	Trần Thanh Phong	Giám đốc	7.200
2	Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc	3.900
3	Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng	14.700

Ông **TRẦN THANH PHONG**

Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 22/04/1967
 Nơi sinh : Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
 Quê quán : Xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- 1992 - 1998 : Kế toán tổng hợp Công ty khai thác thủy sản xuất nhập khẩu Cần Thơ
- 1998 - 2005 : Kế toán trưởng Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ
- 2005 - 10/2014 : Phó Giám đốc Công ty Phát triển và kinh doanh nhà Cần Thơ
- 11/2014 - 06/2015 : Giám đốc Công ty TNHH MTV công trình đô thị thành phố Cần Thơ
- 07/2015 đến nay : Giám đốc Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ

Ông **NGUYỄN THẠCH EM**

Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 15/02/1973
 Nơi sinh : Hòa Mỹ, Phụng Hiệp, Hậu Giang
 Quê quán : Thới Thạnh, Ô Môn, thành phố Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Tài Chính-Ngân Hàng

Quá trình công tác

- 2000 - 2002 : Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2002 - 2008 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2008 - 2010 : Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2010 - 2012 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2013 - 6/2015 : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Ông **LÊ THANH HIẾU**

Kế toán trưởng

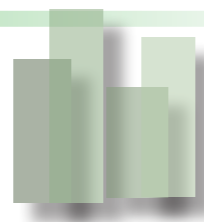
Ngày tháng năm sinh : 05/9/1971
 Nơi sinh : Huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
 Quê quán : Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Quá trình công tác

- 02/1992 - 10/2003 : Nhân viên Xưởng cơ khí, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721
- 11/2003 - 03/2007 : Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty SC Xây dựng Công trình CKGT 721
- 04/2007 - 10/2010 : Nhân viên Phòng kế toán, Công ty công trình đô thị TP Cần Thơ
- 11/2010 - 12/2012 : Phó Trưởng phòng Kế toán, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ
- 01/2013 - 06/2015 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- Từ 07/2015 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu
1	Lưu Việt Chiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.300
2	Trần Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc	7.200
3	Lê Thanh Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	14.700
4	Võ Văn ĐượC	Thành viên Hội đồng quản trị	3.300
5	Nguyễn Phúc Như	Thành viên Hội đồng quản trị	1.100

Ông Trần Thanh Phong- Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
(xem thông tin ở mục sơ yếu lí lịch Ban Điều hành công ty)

Ông Lê Thanh Hiếu- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
(xem thông tin ở mục sơ yếu lí lịch Ban Điều hành công ty)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh : 26/12/1970
 Nơi sinh : Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
 Quê quán : Xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
 Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế Tài chính-Kế toán
 Số cổ phần đại diện sở hữu cho phần vốn nhà nước: 2.686.144 cổ phần, chiếm 50,26% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- 12/1988 - 1989 : Kế toán kho, Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Chế biến lương thực, thực phẩm huyện Long Phú, Hậu Giang
- 1989 - 1992 : Kế toán Ngân sách, tài vụ của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hậu Giang
- 1992 - 2006 : Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Công ty Dược Sóc Trăng
- 2007 - 5/2009 : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Sóc Trăng
- 6/2009 - 10/2010 : Phó Giám đốc Công ty Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ
- 10/2010 - 10/2014 : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cần Thơ
- 11/2014 - 6/2015 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Ông VÕ VĂN ĐƯỢC

Ngày tháng năm sinh : 30/01/1967
 Nơi sinh : Tân An, Phong Dinh
 Quê quán : Xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
 Chức vụ hiện nay : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Quá trình công tác

- 1987 - 1988 : Cán bộ kỹ thuật Ban Nông - Lâm - Ngư nghiệp thành phố Cần Thơ
- 1988 - 1990 : Cán bộ kỹ thuật, Trạm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ
- 1990 - 1992 : Cán bộ kỹ thuật, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp TP Cần Thơ
- 1992 - 1999 : Cán bộ kỹ thuật Đội Công viên cây xanh công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 1999 - 2009 : Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 09/2009 - 2010 : Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 12/2010 - 06/2015 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 07/2015 đến nay : Trưởng phòng Tổ chức hành chính- Lao động tiền lương Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Ông NGUYỄN PHÚC NHƯ

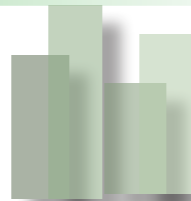
Ngày tháng năm sinh : 30/10/1980
 Nơi sinh : Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang
 Địa chỉ thường trú : Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ chuyên ngành môi trường
 Chức vụ hiện nay : Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Quá trình công tác

- 2003 - 2007 : Nhân viên Kế hoạch Đội CTĐT quận Cái Răng trực thuộc Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2007 - 2008 : Nhân viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2008 - 2009 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2009 - 2010 : Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2010 - 2013 : Phó phòng Kỹ thuật vật tư Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2013 - 6/2015 : Phó phòng Kinh doanh - Kỹ thuật vật tư tổng hợp Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Trưởng phòng Kỹ thuật vật tư Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ



BAN KIỂM SOÁT



STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu
1	Đặng Minh Khiết	Trưởng ban	15.200
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành Viên	1.000
3	Nguyễn Thị Thúy Vy	Thành Viên	1.300

Ông **ĐẶNG
MINH
KHIẾT**

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 05/12/1966
 Nơi sinh : Thành phố Cần Thơ
 Quê quán : Trường Lạc, Ô Môn, Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Số cổ phần cá nhân sở hữu : 15,200

Quá trình công tác

- 1986 - 1990 : Kế toán Xí nghiệp Da thành phố Cần Thơ
- 12/1990 - 12/2000 : Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
- 01/2001 - 4/2007 : Phó phòng Kế toán Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
- 5/2007 - 12/2007 : Q. Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 01/2008 - 2010 : Kế toán trưởng Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 8/2010 - 6/2015 : Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Ông **NGUYỄN
QUỐC
CƯỜNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 11/9/1980
 Nơi sinh : Trà Ôn, Vĩnh Long
 Địa chỉ thường trú : Tân An Luông, Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí
 Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Quá trình công tác

- 2004 - 2006 : thợ sửa chữa, Xí nghiệp Sửa Chữa thuộc Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2010 - 2012 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2012 - 2013 : Đội trưởng Đội Vận chuyển thuộc Xí nghiệp MTĐT Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2013 - 6/2015 : Đội trưởng Đội SCPTCD Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, Đội trưởng Đội SCPTCG, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Bà **NGUYỄN
THỊ
THÚY VY**

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1978
 Nơi sinh : Huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ
 Quê quán : Xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Khoa học Môi trường
 Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Quá trình công tác

- 9/2000 - 2007 : Nhân viên Đội Kiểm tra, Công ty CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2007 - 2008 : Cán bộ Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2008 - 2010 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh - Kỹ thuật, Công ty CTĐT TP Cần Thơ
- 2010 - 2012 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2012 - 2013 : Phụ trách Kế hoạch Xí nghiệp MTĐT, Công ty TNHH MTV CTĐT thành phố Cần Thơ
- 2014 - 6/2015 : CBKT Phòng Kinh doanh- Kỹ thuật Vật tư Tổng hợp, Công ty TNHH MTV CTĐT TP Cần Thơ
- 7/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ



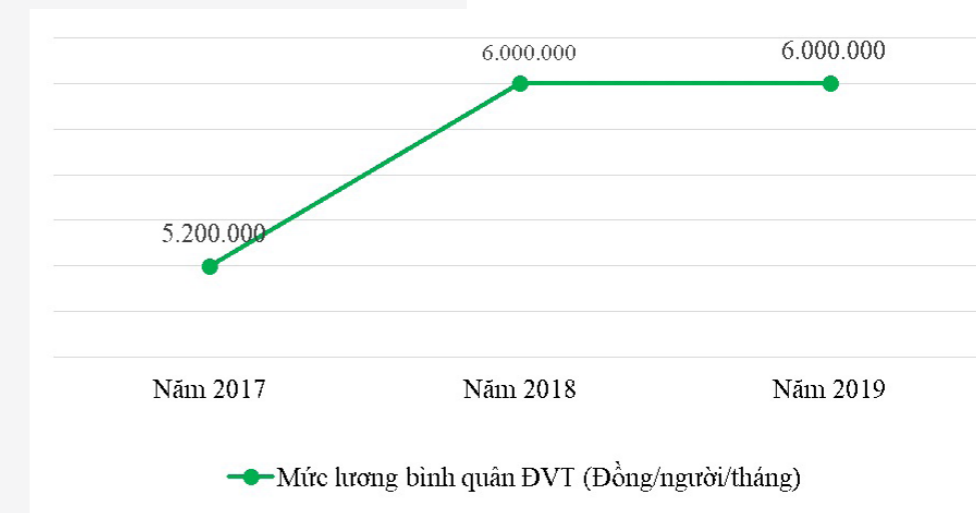
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ đến ngày 31/12/2019

STT	Tính chất phân loại	Số Lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	336	100%
1	Trên Đại học và trên đại học	36	10,71%
2	Cao đẳng	01	0,30%
3	Trung cấp	06	1,79%
4	Khác	293	87,20%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	336	100%
1	Lao động quản lí do nhà nước bổ nhiệm	01	0,30%
2	Lao động kí hợp đồng lao động	335	99,70%
2.1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	292	87,16%
2.2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn	43	12,84%
2.3	Hợp đồng lao động thời vụ	0	0%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

STT	NĂM	MỨC LƯƠNG BÌNH QUÂN (Triệu đồng/người/tháng)	TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG (%)
3	2017	5,2	29,19%
4	2018	6,0	15,38%
5	2019	6,0	-



Chính sách đào tạo, lương thưởng, chế độ phúc lợi

Về chính sách phúc lợi

Công ty luôn quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao cho các cán bộ công nhân viên.



Về chính sách lương, thưởng

Trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng được Chính phủ quy định từng thời kỳ, Công ty thực hiện việc áp dụng, đảm bảo việc chi trả tiền lương cho người lao động phù hợp và đúng theo quy định đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng với hệ số chức danh công việc theo thang lương, bảng lương, định mức lao động do Công ty xây dựng và báo cáo đến cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Thời hạn chi trả việc tạm ứng tiền lương: Hàng tháng Công ty thực hiện việc chi trả tiền lương 1 lần/ tháng, trong khoản thời gian từ ngày 01 đến ngày 15 của tháng liền kề theo quy chế tiền lương.

Các hình thức trả lương: Công ty đang thực hiện trả lương cho người lao động bằng tiền mặt, hình thức chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản ATM của từng người lao động.

Về chính sách tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động tại Công ty xuất phát từ nhu cầu công việc thực tế, người lao động được tuyển dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định: sức khỏe, trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp với quy chế tuyển dụng của Công ty. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.



Thời gian thử việc đối với lao động tuyển mới: Không quá 60 ngày đối với lao động có chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên; Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn kỹ thuật trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất bằng 85% mức lương cấp bậc của công việc đó. Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không cần phải báo trước và cũng không phải bồi thường nếu việc làm thử không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận.

Về chính sách đào tạo

Công ty xem kế hoạch đào tạo nhân sự là kế hoạch mang tính chiến lược, thông qua việc đào tạo bài bản về chuyên môn và kỹ năng mềm khác sẽ tạo ra giá trị lớn nhất cho chính nhân viên lẫn Công ty. Kế hoạch đào tạo của Công ty chú trọng khuyến khích nhân viên phát triển bản thân để đáp ứng những yêu cầu cho công việc, vị trí hiện tại, đồng viên người lao động nỗ lực cho những vị trí cao hơn trong tương lai. Tùy theo nhu cầu công việc, người lao động được đơn vị cử đi đào tạo ngắn hạn một số công tác nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho hoạt động và nâng cao tay nghề kỹ năng làm việc.





CHƯƠNG III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

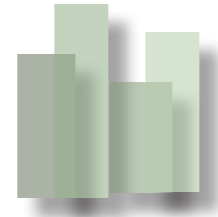
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT KINH DOANH



Thông tin chung

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	%tăng/giảm
Doanh thu thuần	70.125	66.205	-5,59%
Giá vốn hàng bán	55.447	55.588	0,25%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.840	1.339	-27,22%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.526	10.102	-4,03%
Lợi nhuận từ HĐKD	5.992	1.854	-69,05%
Lợi nhuận khác	-562	-88	-84,27%
Lợi nhuận trước thuế	5.429	1.766	-67,48%
Lợi nhuận sau thuế	4.238	1.367	-67,75%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	340	255	-25,00%

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019 có sự sụt giảm so với cùng kỳ 2018. Doanh thu thực hiện trong năm đạt 66,2 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán không đổi, vẫn giữ mức 55,5 tỷ đồng.

Do doanh thu trong năm giảm nhưng nhìn chung các chi phí không thay đổi nhiều nên lợi nhuận của Công ty giảm mạnh. Lợi nhuận sau thuế giảm 67,75% đạt 1,37 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm 25%.

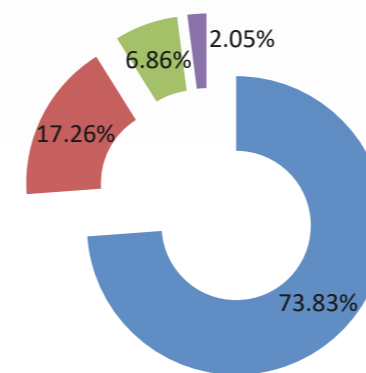
Cơ cấu doanh thu thuần theo sản phẩm

Cơ cấu doanh thu bên dưới cho thấy hoạt động kinh doanh chính hiện nay là dịch vụ công ích đối với lĩnh vực vệ sinh môi trường; duy tu chăm sóc cây xanh; duy tu chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông và một số dịch vụ khác với giá trị nhỏ. Để có thể cung cấp dịch vụ Công ty phải tham gia đấu thầu, hình thức này hiện nay có sự cạnh tranh giá cả rất gay gắt đã và đang tạo ra nhiều khó khăn cho hoạt động của UCT.

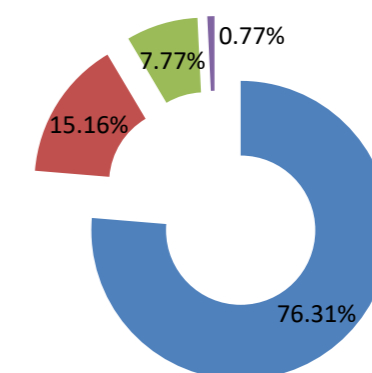
ĐVT: Triệu đồng

Cơ cấu doanh thu Công ty	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Vệ sinh đô thị	51.773	73,83%	50.518	76,31%
Công viên cây xanh	12.106	17,26%	10.034	15,16%
Chiếu sáng công cộng	4.810	6,86%	5.143	7,77%
Công trình, dịch vụ khác	1.437	2,05%	509	0,77%
Tổng doanh thu	70.126	100%	66.204	100%

Năm 2018



2019

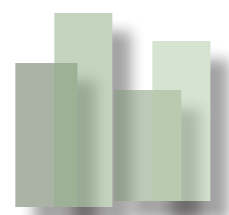


- Vệ sinh đô thị
- Công viên cây xanh
- Chiếu sáng công cộng
- Công trình, dịch vụ khác

Trong năm 2019, vệ sinh đô thị vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Năm 2018 chiếm 73,83%, năm 2019 tăng lên 76,31%. Ngoài trừ dịch vụ Chiếu sáng công cộng có sự tăng lên thì các hạng mục còn lại đều giảm tương đương nhau. Điều này được lý giải do tình hình cạnh tranh đấu thầu dành quyền cung cấp dịch vụ tại thành phố Cần Thơ vẫn còn tiếp diễn gây nhiều khó khăn trong hoạt động năm vừa qua của Công ty.

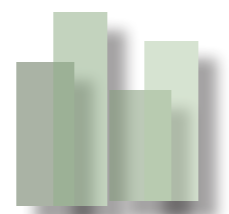


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Trong năm Công ty đầu tư mua sắm thêm phương tiện, đưa vào sử dụng vận chuyển rác với giá trị hơn 5 tỷ đồng. Kết quả bước đầu cho thấy giảm thiểu khối lượng rác tồn đọng, hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,86	5,67
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,19	4,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,76%	14,42%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,13%	16,85%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,99	5,38
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,95	0,98
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,04%	2,06%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,18%	2,39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,76%	2,01%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,54%	2,80%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán của Công ty đã tăng lên so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 4,86 lên 5,67, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 4,19 lên 4,22. Nguyên nhân chính là do nợ ngắn hạn giảm xuống, phát sinh từ hai khoản mục: người mua trả tiền trước giảm 958 triệu đồng và quỹ khen thưởng giảm 1,77 tỷ đồng. Hàng tồn kho trong năm có sự gia tăng chủ yếu là giá trị các nguyên vật liệu dở dang dùng trong hoạt động kinh doanh; Nhưng dù chịu ảnh hưởng bởi sự tăng lên của hàng tồn kho, hệ số thanh toán nhanh vẫn tăng nhẹ so với năm trước. Vì vậy có thể thấy, khả năng thanh toán đối với các khoản nợ tại thời điểm lập báo cáo của Công ty được đánh giá tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Với những khó khăn trong hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty có sự suy giảm ở cả tài sản và vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên nợ ngắn hạn trong năm cũng đã giảm đi đáng kể, nợ dài hạn không thay đổi, nên hệ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu trong năm tiếp tục giảm và giữ ở mức thấp, tương ứng là 14,42% và 16,58%. Trong cơ cấu nợ của Công ty không có nợ vay ngân hàng, do đó công ty không có áp lực trả lãi vay và rủi ro liên quan đến lãi suất vay.

Chỉ tiêu về hoạt động

Giá vốn hàng bán không có biến động, vẫn duy trì ở mức 55,5 tỷ. Trong khi đó, hàng tồn kho tăng mạnh (khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng từ 7,2 tỷ lên 12,8 tỷ) dẫn đến vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh, nguyên nhân do Doanh nghiệp đang tập trung tiến hành thực hiện các gói thầu công trình tại địa bàn Thành phố Cần Thơ.

Vòng quay tổng tài sản trong năm tăng nhẹ cho thấy việc quản lý và sử dụng tài sản của công ty vẫn đang duy trì ổn định.

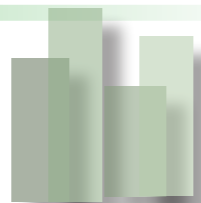
Khả năng sinh lời

Vấn đề giảm mạnh của lợi nhuận sau thuế dẫn đến tất cả chỉ số khả năng sinh lời của Doanh nghiệp đều sụt giảm rất đáng kể. Nguyên nhân là do hoạt động của Công ty có tính đặc thù, chủ yếu thực hiện dịch vụ công ích trong địa bàn thành phố, tỷ trọng doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích chiếm trên 95% nên lợi nhuận thấp.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG &

THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần

Tổng cổ phần	: 5.424.900 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành	: Cổ phần phổ thông
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	: 5.424.900 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 30/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	194	2.658.201	49,00%
	Cổ đông tổ chức	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	194	2.658.201	49,00%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-
III	Cổ đông Nhà nước	1	2.766.699	51,00%
	Tổng cộng	195	5.424.900	100%

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Ủy ban nhân dân Tp Cần Thơ	2.766.699	51,00%
2	Trịnh Quang Tiến	2.244.501	41,37%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2019, Doanh nghiệp đã tiến hành bán đấu giá cổ phần, bắt đầu thoái hóa vốn Nhà nước. Số lượng cổ phần được bán ra là 2.244.501 cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có





CHƯƠNG IV

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	%TH/KH 2019
Doanh thu thuần	54.000.000.000	66.204.694.339	122,6%
Trong đó:			
+ Vệ sinh đô thị	39.000.000.000	50.518.000.000	129,53%
+ Công viên cây xanh	9.500.000.000	10.034.000.000	105,63%
+ Chiếu sáng công cộng	4.300.000.000	5.143.000.000	119,61%
+ Công trình, Dịch vụ khác	1.200.000.000	509.000.000	42,39%
Vốn điều lệ	54.249.000.000	54.249.000.000	100%
Lợi nhuận sau thuế	1.760.000.000	1.366.999.850	77,67%
LNST/DTT	3,26%	2,06%	
LNST/VĐL	3,24%	2,52%	

Mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh 2019 không có sự tăng trưởng như năm trước, nhưng Công ty cũng đã hoàn thành được mục tiêu đề ra. Trong đó, doanh thu thuần vượt mức chỉ tiêu đề ra 22,6%, đạt 66,2 tỷ đồng. Mặc dù vậy, do giá vốn hàng bán là giá vốn dịch vụ đã cung cấp (nhân công, xăng dầu, nguyên vật liệu,...) không có nhiều biến động so với năm 2018 nên lợi nhuận sau thuế đạt 77,67% kế hoạch đề ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỉ lệ 2019/2018
Tài sản	70.442.083.865	65.264.664.664	92,65%
Tài sản ngắn hạn	55.514.851.569	51.102.682.634	92,05%
Tài sản dài hạn	14.927.232.296	14.161.982.030	94,87%
Nguồn vốn	70.442.083.865	65.264.664.664	92,65%
Nợ ngắn hạn	11.415.414.384	9.020.128.469	79,02%
Nợ dài hạn	390.000.000	390.000.000	100,00%
Vốn chủ sở hữu	58.636.669.481	55.854.536.195	95,26%

Năm 2019, Tổng tài sản của công ty tiếp tục có sự biến động khi đã giảm 7,35%, nguyên nhân đến từ việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông bằng tiền mặt; khấu hao tài sản cũng gián tiếp làm cho Tổng tài sản giảm. Trong đó, tài sản ngắn hạn từ 55,5 tỷ đồng giảm còn 51,1 tỷ đồng; tài sản dài hạn từ 14,9 tỷ giảm nhẹ xuống 14,2 tỷ đồng.

Nợ ngắn hạn của công ty giảm 20,98% so với năm 2018. Hai khoản mục giảm mạnh là Quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm từ 516 triệu và Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm còn 216,4 triệu. Nợ dài hạn năm qua không có sự thay đổi.

Với những diễn biến trên, tình hình tài chính của Công ty vẫn được giữ vững, ổn định.





Các công tác trọng tâm

- Tập trung thanh quyết toán kịp thời các gói thầu đang thực hiện; liên hệ thu hồi công nợ các năm trước từ các Chủ đầu tư và khách hàng chưa thanh toán cho Công ty.
- Phấn đấu đạt các chỉ tiêu về: doanh thu, lợi nhuận, các khoản nộp thuế, nộp khác của đơn vị theo kế hoạch. Đồng thời với việc lãnh đạo nhiệm vụ chính trị, Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, xã hội; đảm bảo các chế độ chính sách và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.
- Chỉ đạo các Đội thi công tổ chức thực hiện tốt các gói thầu, phấn đấu thực hiện thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Công ty thi công đạt kế hoạch.
- Mở rộng lĩnh vực hoạt động ngành nghề của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả đồng thời tăng cường tìm kiếm thêm khách hàng. Ngoài các lĩnh vực đang hoạt động, Công ty chủ động khảo sát, nghiên cứu mở thêm các ngành nghề khác để tăng doanh thu, có lợi nhuận và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.
- Tập trung thực hiện tốt các hợp đồng dịch vụ đang thi công, tiếp cận và mở rộng thêm các hợp đồng dịch vụ mới.
- Thực hiện tốt một số công tác phục vụ các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện, ngày hội ... của thành phố trong năm 2020 theo kế hoạch của Chủ đầu tư và Công ty.
- Liên hệ khách hàng ký các hợp đồng dịch vụ năm 2020; Tập trung mọi nguồn lực tham dự đấu thầu dịch vụ công ích công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng và các dịch vụ liên quan năm 2020.
- Tổ chức: Hội nghị đại biểu người lao động năm 2020; Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Triển khai thực hiện:
 1. Dự án vớt rác trên sông.
 2. Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại điểm trung chuyển 71 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều.
 3. Cải tạo, phục hồi môi trường tại bãi rác Ô Môn, Khu đất đường Trần Hưng Đạo, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn.
 4. Dự án Bãi xử lý chất thải rắn Tân Long và di dời bãi rác Đông Thạnh (trên cơ sở phương án chôn rác tại chỗ): hoàn tất thủ tục quyết toán với Kho bạc Nhà nước và tất toán tài khoản dự án. Lập kế hoạch khai thác nhằm tạo nguồn thu cho đơn vị do sau khi hoàn thành quyết toán Dự án, trình UBND thành phố Cần Thơ xem xét, giao tiếp nhận và quản lý.
 5. Dự án Văn phòng kho xưởng các Đội trực thuộc: tại số 396 đường Cách mạng tháng, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ: Hoàn thành thủ tục thuê đất và các loại thuế chi phí có liên quan, tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị Tư vấn khảo sát địa chất phục vụ cho công tác thiết kế và thẩm định phê duyệt dự án và công tác chọn đơn vị thi công xây dựng.
 6. Kế hoạch khai thác hiệu quả nguồn thu giá dịch vụ vệ sinh và các phương tiện cơ giới ...

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám Đốc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

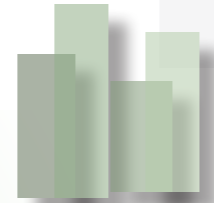
- Tiếp tục thanh quyết toán các gói thầu đang thực hiện, liên hệ thu hồi nợ các năm trước từ các Chủ đầu tư và khách hàng chưa thanh toán cho Công ty.
- Do vẫn còn nhiều khó khăn trong chính sách liên quan đến phí cung cấp dịch vụ và tình hình cạnh tranh tại địa bàn hoạt động vẫn còn gay gắt, năm 2020 Công ty đặt mục tiêu cố gắng hoàn thành kế hoạch thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế năm 2020:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN 2019	KẾ HOẠCH 2020	TỈ LỆ % 2020/2019
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	66.204.694.339	59.000.000.000	89,12%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	54.249.000.000	54.249.000.000	100,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.366.999.850	960.000.000	70,23%
4	Tỷ lệ LNST/DTT	%	2,06%	1,63%	-
5	Tỷ lệ LNST/VDL	%	2,52%	1,77%	-



Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

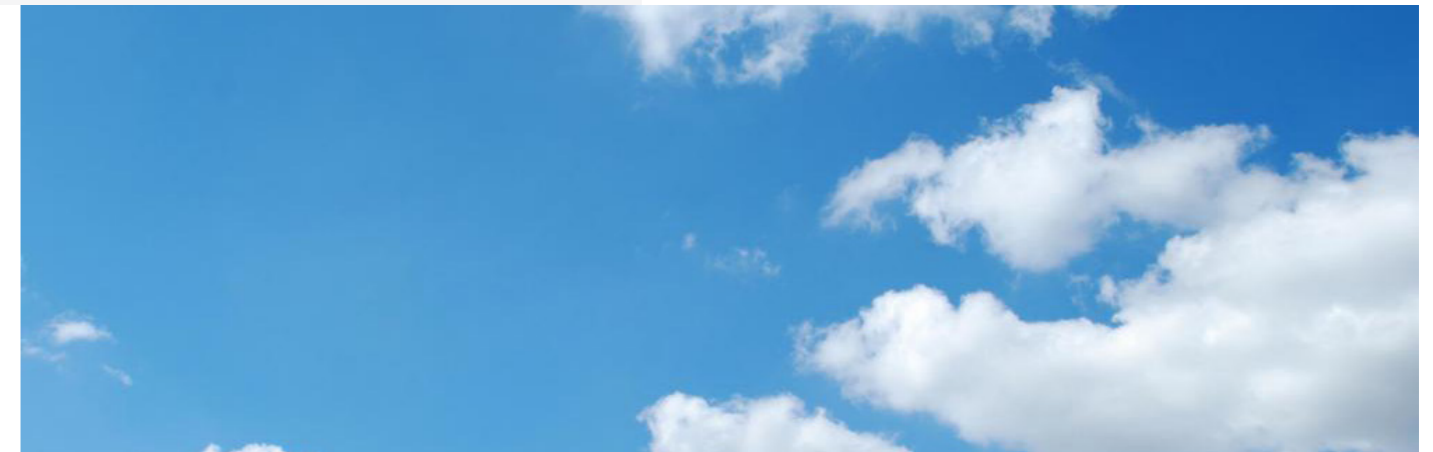
- Sắp xếp, kiện toàn ổn định cơ cấu bộ máy theo mô hình năng động, hiệu quả để thích ứng hoạt động của Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp mới. Phát triển nguồn lực đủ về chất và lượng, có trình độ năng lực quản lý kinh tế, lao động có tay nghề.
- Điều chỉnh các nội quy, quy chế, quy trình hoạt động, đơn giá dịch vụ,... phù hợp hoạt động Công ty cổ phần.
- Tăng cường công tác phối hợp với Chủ đầu tư, địa phương trong công tác vệ sinh đô thị thông qua quy chế phối hợp; Phối hợp với Chủ đầu tư, Sở, ngành thành phố hoàn thành công tác phục vụ lễ, hội của thành phố.
- Đẩy mạnh công tác quan hệ đối tác, khách hàng, tìm kiếm công trình.
- Xây dựng quy trình thu gom rác thải bằng cơ giới hóa, theo hướng hạn chế điểm tập kết rác trên các tuyến đường.
- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu Công ty.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động giảm thiểu tối đa tai nạn lao động và tai nạn giao thông.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến thêm.





CHƯƠNG

V

**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các hoạt động trọng tâm liên quan đến các dịch vụ mà Công ty cung cấp đã được Ban Điều hành triển khai thực hiện tốt. Mặc dù kết quả hoạt động kinh doanh 2019 thấp hơn năm trước, nhưng Công ty cũng đã hoàn thành được mục tiêu đề ra, qua đó góp phần nâng cao thu nhập bình quân của người lao động.

Hiện nay, Công ty một mặt vừa phải chú trọng cải tiến công tác quản lý, một mặt vừa phải ổn định hoạt động kinh doanh để phù hợp với định hướng chiến lược phát triển trong tương lai. Do đó, cần phải có thời gian để hoạt động kinh doanh của UCT đi vào ổn định sau khó khăn. Phân khúc thị trường trong các lĩnh vực mà Công ty đang tham gia khá hẹp, lại gặp nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ, Công ty thường phải giảm giá thầu để giữ vững thị phần nên lợi nhuận bị ảnh hưởng. Đây chính là những khó khăn mà UCT đang gặp phải, trong thời gian tới Hội đồng quản trị sẽ phải phối hợp hơn nữa với Ban Điều hành để định hướng chỉ đạo, giám sát thực hiện các công tác hoạt động trọng tâm nhằm khắc phục những khó khăn trên để có thể hoàn thành tốt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Điều hành được thực hiện theo Điều lệ của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Nhìn lại một năm hoạt động, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra để đảm bảo kế hoạch kinh doanh của Công ty đạt kỳ vọng. Mặc dù gặp một số khó khăn do quá trình cổ phần hóa diễn ra chưa lâu, công tác quản lý của công ty còn nhiều vấn đề cần được xử lý bên cạnh đó tình hình kinh tế năm qua không tăng trưởng tốt như dự định. Nhưng Công ty vẫn hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, có thể nói đây là một năm hoạt động thành công của UCT. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đều được Ban Giám đốc triển khai đúng đắn và phù hợp với tình hình thực tế. HĐQT cho rằng Ban Giám đốc đã hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ của mình và đã cùng với toàn bộ CBCNV mang lại kết quả kinh doanh bền vững trong những năm qua.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thành phố Cần Thơ tập trung đông dân cư và lượng khách du lịch tại miền Tây, mức sống của người dân đang có chiều hướng tăng cao, nhận thức và sự quan tâm của người dân về nét mỹ quan đô thị thành phố ngày càng được nâng cao. Do vậy tiềm năng phát triển mở rộng ngành trong thời gian tới là khá lớn. Căn cứ vào tình hình hoạt động của công ty trong năm qua, Hội đồng quản trị UCT lên kế hoạch xây dựng chương trình hoạt động như sau:

- Tiếp tục duy trì, củng cố và mở rộng phát triển các loại hình dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ và có hiệu quả. Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho công tác vệ sinh,
- cây xanh, chiếu sáng.
- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, tổ chức thi công khoa học hợp lý, xây dựng định mức lao động tiên tiến, cơ chế khoán công việc, khoán chi phí.
- Tổ chức bộ máy quản lý, điều hành hợp lý, gọn nhẹ và có hiệu quả, ổn định đời sống người lao động, thực hiện việc đào tạo và tuyển dụng lao động có trình độ.





**CHƯƠNG
VI**

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

*MỤC TIÊU
HÀNH ĐỘNG*



Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, tạo được công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tp. Cần Thơ và cả nước. Chiến lược phát triển bền vững của Công ty đến là đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và hài hòa cả 3 mục đích:

- Một, tối ưu kinh tế để tăng trưởng một cách hiệu quả và bền vững;
- Hai, có trách nhiệm với xã hội;
- Ba, bảo vệ môi trường.



Về kinh tế

Công ty cổ phần đô thị Cần Thơ tập trung phát triển các dự án đô thị tại những địa phương mang lại giá trị cảnh quan nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan mang lại ngân sách cho địa phương, qua đó còn góp phần thu hút làn sóng đầu tư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho cư dân địa phương,

Mục tiêu trọng tâm UCT hướng tới :

- Cải tạo môi trường và khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên;
- Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng;
- Chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng

Về xã hội và cộng đồng

Xác định người lao động là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển thành công và bền vững cho Công ty, ban lãnh đạo UCT không ngừng quan tâm, cải cách các chính sách có liên quan đến người lao động, sao cho phù hợp nhất để người lao động luôn được đảm bảo về đời sống vật chất lẫn tinh thần, luôn là người đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty. Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Công tác chính sách và hoạt động xã hội năm qua được UCT tích cực thực hiện hỗ trợ các gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn.



Về bảo vệ môi trường

Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu các loại, điện chiếu sáng, nước tưới tiêu, nguyên nhiên liệu xử lý rác thải; vật liệu xây dựng phục vụ cho việc duy tu và thi công đường, hè phố... Thời gian qua biến động giá cả thị trường đã khiến chi phí đầu vào của Công ty tăng cao gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của Công ty. Nhìn chung, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Nguồn nguyên liệu các sản phẩm có nhiều nguồn cung cấp nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều bởi sự thay đổi của nguồn nguyên vật liệu đầu vào.

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, hơn ai hết UCT ý thức được việc giữ gìn môi trường sạch sẽ, không khí trong lành cho xã hội. UCT luôn phân tích đánh giá các tác động đến môi trường xung quanh để đề ra các biện pháp ngăn chặn kịp thời và đảm bảo không vi phạm các chỉ tiêu do nhà nước đề ra.



CHƯƠNG VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Đước	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Trần Thanh Phong



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.102.682.634	55.514.851.569
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.600.545.086	9.823.994.881
1.	Tiền	111		6.600.545.086	3.823.994.881
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	19.100.000.000	23.200.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.100.000.000	23.200.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.386.384.249	14.844.247.960
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	8.781.351.530	11.317.553.968
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	86.901.500	1.589.671.828
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.864.136.988	2.584.073.933
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(346.005.769)	(647.051.769)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	13.013.367.919	7.646.608.728
1.	Hàng tồn kho	141		13.013.367.919	7.646.608.728
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.385.380	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.385.380	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.161.982.030	14.927.232.296
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		13.702.042.221	14.254.435.541
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13.702.042.221	14.254.435.541
	- Nguyên giá	222		65.227.948.548	60.260.071.094
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(51.525.906.327)	(46.005.635.553)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	233.055.464	180.000.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		233.055.464	180.000.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		226.884.345	492.796.755
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	226.884.345	492.796.755
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.264.664.664	70.442.083.865

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		9.410.128.469	11.805.414.384
I.	Nợ ngắn hạn	310		9.020.128.469	11.415.414.384
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.069.972.226	4.236.943.722
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	216.350.000	1.174.050.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.096.761.877	1.470.002.632
4.	Phải trả người lao động	314		2.536.025.505	1.715.036.635
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	585.036.943	533.718.923
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		515.981.918	2.285.662.472
II.	Nợ dài hạn	330		390.000.000	390.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		390.000.000	390.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.854.536.195	58.636.669.481
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	55.615.999.850	58.362.352.676
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.249.000.000	53.443.451.436
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.249.000.000	53.443.451.436
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	680.629.176
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.366.999.850	4.238.272.064
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.366.999.850	4.238.272.064
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		238.536.345	274.316.805
1.	Nguồn kinh phí	431		-	274.316.805
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		238.536.345	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.264.664.664	70.442.083.865

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Handwritten signatures and a red circular stamp of Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ)

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.204.694.339	70.125.015.623
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.204.694.339	70.125.015.623
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	55.587.603.916	55.447.451.205
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.617.090.423	14.677.564.418
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.339.400.360	1.840.417.092
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	10.102.316.056	10.526.291.424
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.854.174.727	5.991.690.086
11.	Thu nhập khác	31	VI.04	168.136.546	207.046.902
12.	Chi phí khác	32	VI.05	256.589.944	769.322.892
13.	Lợi nhuận khác	40		(88.453.398)	(562.275.990)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.765.721.329	5.429.414.096
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	398.721.479	1.191.142.032
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.366.999.850	4.238.272.064
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	255	340
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	255	340

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.519.631.036	77.354.179.483
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.824.361.932)	(38.827.546.294)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.425.161.682)	(36.205.316.101)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(953.081.657)	(1.300.144.029)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		829.753.815	861.376.384
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.787.875.511)	(8.526.233.824)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.641.095.931)	(6.643.684.381)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.020.932.918)	(1.272.694.545)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	129.545.455
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.100.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		941.882.554	1.840.417.092
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.949.636	697.268.002



Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.603.303.500)	(3.418.689.005)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.603.303.500)	(3.418.689.005)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.223.449.795)	(9.365.105.384)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.823.994.881	19.189.100.265
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.600.545.086	9.823.994.881

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Điền Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Đơn vị tính: VND

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	370.355.947	877.147.258
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.230.189.139	2.946.847.623
- Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
Cộng	6.600.545.086	9.823.994.881

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000
Cộng	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Cần Thơ. Lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.781.351.530	11.317.553.968
- Phòng QLĐT quận Ninh Kiều	193.080.000	3.884.909.000
- Phòng QLĐT quận Cái Răng	2.139.043.746	1.969.459.997
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.449.227.784	5.463.184.971
Cộng	8.781.351.530	11.317.553.968

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	86.901.500	1.589.671.828
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	1.528.200.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	86.901.500	61.471.828
Cộng	86.901.500	1.589.671.828

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.864.136.988	-	2.584.073.933	-
- Tạm ứng	2.690.847.900	-	1.730.617.346	-
- Phải thu khác	1.173.289.088	-	853.456.587	-
+ Lãi dự thu	397.517.806	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	775.771.282	-	853.456.587	-
Cộng	3.864.136.988	-	2.584.073.933	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Điện nông thôn Hậu Giang	46.568.339	-	46.568.339	-
- Ban QLDA ĐTXD quận Ninh Kiều	-	-	301.046.000	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 75	104.185.609	-	104.185.609	-
- Các đối tượng khác	195.251.821	-	195.251.821	-
Cộng	346.005.769	-	647.051.769	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	318.831.524	-	358.805.694	-
- Công cụ, dụng cụ	116.865.216	-	80.131.855	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.577.671.179	-	7.207.671.179	-
Cộng	13.013.367.919	-	7.646.608.728	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	233.055.464	180.000.000
- Mua sắm	180.000.000	180.000.000
- Xây dựng cơ bản	53.055.464	-
+ Thi công nhà xe sau hội trường	53.055.464	-
Cộng	233.055.464	180.000.000

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.072.199.276	2.299.461.727	53.838.700.091	49.710.000	60.260.071.094
- Mua trong năm	-	-	4.920.425.454	-	4.920.425.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành	47.452.000	-	-	-	47.452.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.119.651.276	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.227.948.548
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.749.248.607	1.721.683.947	41.484.992.999	49.710.000	46.005.635.553
- Khấu hao trong năm	193.925.628	133.333.332	5.193.011.814	-	5.520.270.774
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.943.174.235	1.855.017.279	46.678.004.813	49.710.000	51.525.906.327
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.322.950.669	577.777.780	12.353.707.092	-	14.254.435.541
2. Tại ngày cuối năm	1.176.477.041	444.444.448	12.081.120.732	-	13.702.042.221

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 37.373.490.807 đồng.

10. Chi phí trả trước

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	226.884.345	492.796.755
Cộng	226.884.345	492.796.755

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	4.069.972.226	4.069.972.226	4.236.943.722	4.236.943.722
- Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99	949.244.295	949.244.295	1.296.039.020	1.296.039.020
- Cửa hàng Phụ tùng Ô tô Quang Hưng	408.840.000	408.840.000	145.630.000	145.630.000
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Bảo Bảo	597.649.340	597.649.340	245.956.760	245.956.760
- Công ty TNHH Thương mại Phân phối Duy Thanh	454.230.600	454.230.600	258.273.800	258.273.800
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	481.600.000	481.600.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.178.407.991	1.178.407.991	2.291.044.142	2.291.044.142
Cộng	4.069.972.226	4.069.972.226	4.236.943.722	4.236.943.722

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	216.350.000	216.350.000	1.174.050.000	1.174.050.000
- Phòng QLĐT Quận Ninh Kiều	-	-	1.148.154.000	1.148.154.000
- Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	200.000.000	200.000.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	16.350.000	16.350.000	25.896.000	25.896.000
Cộng	216.350.000	216.350.000	1.174.050.000	1.174.050.000





Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	537.051.752	3.202.565.329	3.021.361.906	-	718.255.175
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	932.866.880	398.721.479	953.081.657	-	378.506.702
- Thuế thu nhập cá nhân	-	84.000	35.743.240	38.212.620	2.385.380	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.415.431.424	2.415.431.424	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	1.479.193.500	1.479.193.500	-	-
Cộng	-	1.470.002.632	7.534.654.972	7.910.281.107	2.385.380	1.096.761.877

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	585.036.943	533.718.923
- Kinh phí công đoàn	33.539.878	35.995.884
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.800.000	21.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	486.697.065	476.623.039
Cộng	585.036.943	533.718.923

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.443.451.436	418.930.533	5.233.972.873	59.096.354.842
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	4.238.272.064	4.238.272.064
Phân phối lợi nhuận	-	261.698.643	(5.233.972.873)	(4.972.274.230)
Số dư cuối năm trước	53.443.451.436	680.629.176	4.238.272.064	58.362.352.676
Số dư đầu năm nay	53.443.451.436	680.629.176	4.238.272.064	58.362.352.676
Tăng vốn trong năm nay (*)	805.548.564	-	-	805.548.564
Lãi trong năm nay	-	-	1.366.999.850	1.366.999.850
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	211.913.603	(4.238.272.064)	(4.026.358.461)
Giảm khác (*)	-	(892.542.779)	-	(892.542.779)
Số dư cuối năm nay	54.249.000.000	-	1.366.999.850	55.615.999.850

(*): Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 thông qua việc sử dụng nguồn Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, bổ sung phần vốn Nhà nước tại Công ty và phân chia cho các cổ đông khác theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

(**): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.423.054.961
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	211.913.603
Chi trả cổ tức	1.603.303.500
Tổng	4.238.272.064



Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	27.666.990.000	51	49.306.451.436	92,26
- Các cổ đông khác	26.582.010.000	49	4.137.000.000	7,74
Cộng	54.249.000.000	100	53.443.451.436	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.443.451.436	53.443.451.436
+ Vốn góp tăng trong năm	805.548.564	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	54.249.000.000	53.443.451.436
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.603.303.500	2.137.738.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.424.900	5.344.345
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.344.345
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.424.900	5.344.345
+ Cổ phiếu phổ thông	5.424.900	5.344.345
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.204.694.339	70.125.015.623
Cộng	66.204.694.339	70.125.015.623

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.587.603.916	55.447.451.205
Cộng	55.587.603.916	55.447.451.205

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.339.400.360	1.840.417.092
Cộng	1.339.400.360	1.840.417.092

04. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	113.072.728
- Các khoản khác	168.136.546	93.974.174
Cộng	168.136.546	207.046.902

05. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	2.173.611	228.563.863
- Các khoản khác	254.416.333	540.759.029
Cộng	256.589.944	769.322.892

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.403.362.056	10.602.527.424
- Chi phí nhân viên quản lý	4.320.688.155	3.781.527.449
- Chi phí đồ dùng văn phòng	91.260.364	167.733.309
- Chi phí khấu hao TSCĐ	227.225.920	229.027.097
- Thuế, phí và lệ phí	448.511.424	425.351.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.994.434	1.956.022.377
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.167.681.759	4.042.865.768
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(301.046.000)	(76.236.000)
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	(301.046.000)	(76.236.000)
Cộng	10.102.316.056	10.526.291.424

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	398.721.479	1.191.142.032
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	398.721.479	1.191.142.032

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.765.721.329	5.429.414.096
- Các khoản điều chỉnh tăng	227.886.067	526.296.063
+ Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	2.173.611	-
+ Chi phí không được trừ	225.712.456	526.296.063
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.993.607.396	5.955.710.159
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	398.721.479	1.191.142.032

Đơn vị tính: VND

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.423.054.961
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.351.407	5.344.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	255	340

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.423.054.961
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.351.407	5.344.345
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	255	340

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.230.570.281	15.614.025.843
- Chi phí nhân công	33.568.735.923	32.618.976.274
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.520.270.774	5.667.846.999
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.288.905.877	11.868.231.595
- Chi phí khác bằng tiền	9.752.483.117	6.960.897.918
- Chi phí dự phòng	(301.046.000)	(76.236.000)
Cộng	71.059.919.972	72.653.742.629

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.238.400.000	1.238.400.000
Cộng	1.238.400.000	1.238.400.000

03. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.



Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.600.545.086	-	9.823.994.881	-
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.954.640.618	(346.005.769)	12.171.010.555	(647.051.769)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.100.000.000	-	23.200.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	35.655.185.704	(346.005.769)	45.195.005.436	(647.051.769)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.069.972.226	4.236.943.722	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	486.697.065	476.623.039	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	-	-	(*)	(*)
Cộng	4.556.669.291	4.713.566.761		

(*) : Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.069.972.226	-	-	4.069.972.226
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	486.697.065	-	-	486.697.065
Cộng	4.556.669.291	-	-	4.556.669.291
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.236.943.722	-	-	4.236.943.722
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	476.623.039	-	-	476.623.039
Cộng	4.713.566.761	-	-	4.713.566.761

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019**

Cần Thơ, ngày 16 tháng 4 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỖ TÍCH HỌ TÊN

 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
 Q. NINH KIỀU - TP. CẦN THƠ

LƯU VIỆT CHIẾN

